

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ sung Kế hoạch Đổi mới, phát triển các hình thức tổ chức kinh tế hợp tác lĩnh vực nông nghiệp tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2016-2020 kèm theo Quyết định số 399/QĐ-UBND ngày 23/02/2016 của UBND tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 461/QĐ-TTg ngày 27/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Phát triển 15.000 hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp hoạt động có hiệu quả đến năm 2020”;

Căn cứ Quyết định số 3594/QĐ-BNN-KTHT ngày 13/9/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Phát triển 15.000 hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp hoạt động có hiệu quả đến năm 2020”;

Căn cứ Kế hoạch số 6355/KH-BNN-KTHT ngày 17/8/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phát triển hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và tiêu thụ nông sản đến năm 2020;

Căn cứ Kế hoạch số 6390/KH-BNN-KTHT ngày 17/8/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp giữa hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp với các doanh nghiệp đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 399/QĐ-UBND ngày 23/02/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch đổi mới, phát triển các hình thức tổ chức kinh tế hợp tác lĩnh vực nông nghiệp tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2016-2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 2897/TTr-SNN ngày 22 tháng 11 năm 2018;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch về việc bổ sung Kế hoạch đổi mới, phát triển các hình thức tổ chức kinh tế hợp tác lĩnh vực nông nghiệp tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2016-2020 được phê duyệt kèm theo Quyết định số 399/QĐ-UBND ngày 23/02/2016 của UBND tỉnh.

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành tỉnh có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai thực hiện Quyết định này theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và là một bộ phận không thể tách rời của Quyết định số 399/QĐ-UBND ngày 23/02/2016 của UBND tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Chính phủ;
- Bộ NN và PTNT;
- TT.TU, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT;
- Như Điều 4;
- LĐVP, P. KTTC;
- Lưu: VT.VP.

Tên

to

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT CHỦ TỊCH,

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Chiến



KẾ HOẠCH

Về việc bổ sung Kế hoạch Đổi mới, phát triển các hình thức tổ chức kinh tế hợp tác lĩnh vực nông nghiệp tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2016-2020 kèm theo Quyết định số 399/QĐ-UBND ngày 23/02/2016 của UBND tỉnh
(Kèm theo Quyết định 1033 /QĐ-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Căn cứ Quyết định số 461/QĐ-TTg ngày 27/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Phát triển 15.000 hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp hoạt động có hiệu quả đến năm 2020”;

Quyết định số 3594/QĐ-BNN-KTHT ngày 13/9/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Phát triển 15.000 hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp hoạt động có hiệu quả đến năm 2020”;

Kế hoạch số 6355/KH-BNN-KTHT ngày 17/8/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phát triển hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và tiêu thụ nông sản đến năm 2020;

Kế hoạch số 6390/KH-BNN-KTHT ngày 17/8/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp giữa hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp với các doanh nghiệp đến năm 2020;

Quyết định số 399/QĐ-UBND ngày 23/02/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch đổi mới, phát triển các hình thức tổ chức kinh tế hợp tác lĩnh vực nông nghiệp tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2016-2020,

Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch, như sau:

Bổ sung phần IIa của Kế hoạch đổi mới, phát triển các hình thức tổ chức kinh tế hợp tác lĩnh vực nông nghiệp tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2016-2020 được phê duyệt kèm theo Quyết định số 399/QĐ-UBND ngày 23/02/2016 của UBND tỉnh, cụ thể như sau:

PHẦN IIa

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP HOẠT ĐỘNG CÓ HIỆU QUẢ ĐẾN NĂM 2020

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát triển các hợp tác xã nông nghiệp hoạt động có hiệu quả trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc, giá trị hợp tác và các quy định của pháp luật nhằm nâng

cao tỷ lệ hợp tác xã khá, giỏi; góp phần xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo, tạo việc làm ổn định, phát triển kinh tế, xã hội của nông thôn tỉnh Tây Ninh.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Phát triển HTX

Củng cố nâng cao hiệu quả hoạt động của 71 HTX nông nghiệp đã được phân loại và đánh giá, trong đó có 06 HTX nông nghiệp hoạt động yếu cần đặc biệt quan tâm hỗ trợ;

Trong 02 năm 2019, 2020 thành lập mới ít nhất 75 HTX nông nghiệp;

Đến năm 2020 đạt được 126 HTX nông nghiệp hoạt động có hiệu quả.

b) Liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của HTX

Trong 126 HTX hoạt động có hiệu quả đến năm 2020, phần đầu có 50% số HTX có hoạt động liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm theo chỉ tiêu kế hoạch số 6390/KH-BNN-KTHT ngày 17/8/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

c) Ứng dụng công nghệ cao của HTX nông nghiệp

Phần đầu đến năm 2020 có 15 HTX nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất theo chỉ tiêu Kế hoạch số 6355/KH-BNN-KTHT ngày 17/8/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao.

II. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Phát triển HTX

a) Tuyên truyền, vận động thành lập mới HTX nông nghiệp hoạt động có hiệu quả trong 02 năm 2019, 2020 là 75 HTX nông nghiệp; phân bổ chỉ tiêu cụ thể cho các huyện, thành phố như sau:

Thành phố Tây Ninh (06 HTX);

Huyện Hoà Thành (09 HTX);

Huyện Dương Minh Châu (08 HTX);

Huyện Trảng Bàng (9 HTX);

Huyện Gò Dầu (08 HTX);

Huyện Bến Cầu (10 HTX);

Huyện Châu Thành (09 HTX);

Huyện Tân Châu (10 HTX);

Huyện Tân Biên (06 HTX).

(Chi tiết xem phụ lục 01)

b) Triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ: Bồi dưỡng nguồn nhân lực; xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường; ứng dụng khoa học, kỹ thuật công nghệ mới; thành lập mới HTX; hỗ trợ

đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng; hỗ trợ vốn, giống khi gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh; hỗ trợ chế biến sản phẩm; hỗ trợ xây dựng mô hình; hỗ trợ đưa cán bộ trẻ tốt nghiệp đại học, cao đẳng về làm việc có thời hạn ở HTX.

c) Nâng cao chất lượng hoạt động của các HTX nông nghiệp yếu, kém để đạt tiêu chí có hiệu quả: Qua rà soát, đánh giá tỉnh có 06 HTX nông nghiệp yếu kém. Các địa phương cần rà soát tình hình hoạt động và những khó khăn, vướng mắc của các HTX, từ đó có các biện pháp cụ thể giúp các HTX yếu kém nâng cao chất lượng hoạt động nhằm đạt tiêu chí hiệu quả.

d) Duy trì và nâng cao chất lượng hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp đang hoạt động hiệu quả.

2. Liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của HTX

Trên cơ sở lựa chọn các mặt hàng chủ lực của địa phương để hỗ trợ phát triển liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ nông sản, huy động các HTX nông nghiệp tham gia có hiệu quả các chuỗi giá trị nông sản.

3. Ứng dụng công nghệ cao của HTX nông nghiệp

a) Vận động các HTX ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất.

b) Rà soát, đánh giá các HTX ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và tiêu thụ nông sản, thông báo cho các HTX đăng ký, lập danh mục hỗ trợ công nghệ cao theo 05 loại công nghệ ban hành theo kế hoạch số 6355/KH-BNN-KTHT, cụ thể:

- Công nghệ sinh học trong nông nghiệp;
- Công nghệ trong canh tác, nuôi trồng, bảo quản;
- Công nghệ tự động hoá, bán tự động hoá trọng tâm;
- Công nghệ sản xuất vật tư nông nghiệp;
- Công nghệ tin học trong quản lý và kinh doanh ở HTX (Công nghệ 4.0 trong quản lý và sản xuất kinh doanh của HTX, truy suất nguồn gốc sản phẩm)

c) Xây dựng các mô hình phát triển HTX ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và tiêu thụ nông sản để nhân rộng trên địa bàn; chú trọng hỗ trợ tư vấn cho các HTX.

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Công tác tuyên truyền thành lập HTX

Phát triển HTX trên cơ sở vận động các THT đã có trên địa bàn để tham gia thành lập HTX; lựa chọn các sản phẩm có thế mạnh của địa phương, vận động thành lập các HTX để phối hợp cùng các doanh nghiệp xây dựng vùng nguyên liệu, liên kết tiêu thụ sản phẩm, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất;

Chú trọng tuyên truyền thông qua nhiều hình thức đa dạng, đặc biệt là thông qua các mô hình, các phong trào thi đua để vận động các cấp, các ngành, đoàn thể và doanh nghiệp, HTX, hộ thành viên sản xuất, lực lượng sáng lập viên

HTX (nông dân sản xuất giỏi, chủ trang trại, những người có kinh nghiệm, uy tín với cộng đồng và có tiềm lực kinh tế) tham gia thành lập và phát triển HTX.

2. Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao năng lực, trình độ của cán bộ hệ thống quản lý nhà nước, lực lượng hỗ trợ, lực lượng trực tiếp hoạt động ở các HTX và thành viên HTX

Tiếp tục triển khai, hướng dẫn thực hiện Luật Hợp tác xã và các văn bản dưới Luật để nâng cao nhận thức và năng lực cho cán bộ trong hệ thống quản lý nhà nước về HTX nông nghiệp nhằm thực hiện nhiệm vụ có hiệu quả;

Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ quản lý, sản xuất cho cán bộ và thành viên; áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, đặc biệt là sản xuất theo tiêu chuẩn an toàn, công nghệ cao, sản xuất hữu cơ; tạo điều kiện cho các HTX vay vốn và tiếp cận với các nguồn vốn hỗ trợ của Nhà nước để đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật, mở rộng quy mô sản xuất; quan tâm hỗ trợ xây dựng các mô hình sơ chế, đóng gói, bảo quản sau thu hoạch, xây dựng thương hiệu hàng hoá để nâng cao giá trị sản phẩm, tạo thị trường đầu ra ổn định, định hướng cho các hoạt động xuất khẩu hàng hóa nông sản; đẩy mạnh thực hiện liên kết với doanh nghiệp; tổ chức chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, tập trung cho phát triển các sản phẩm có quy mô và diện tích tương đối lớn ở các địa phương.

3. Huy động nguồn lực để hỗ trợ có hiệu quả cho HTX nông nghiệp

Kinh phí huy động từ hỗ trợ của Nhà nước theo chính sách:

- Nguồn hỗ trợ phát triển HTX tại Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 22/4/2017 để hỗ trợ: Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng; chế biến sản phẩm; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ HTX và đưa cán bộ trẻ có trình độ về HTX; ứng dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới; thành lập mới HTX;

- Nguồn vốn Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tại Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 để hỗ trợ: Ứng dụng khoa học công nghệ, công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp; liên kết chuỗi giá trị giữa HTX với doanh nghiệp; thu hút doanh nghiệp đầu tư vào địa bàn nông thôn; đổi mới tổ chức sản xuất trong nông nghiệp; đào tạo nghề cho lao động nông thôn;

- Chương trình mục tiêu Tái cơ cấu kinh tế và phòng chống giảm nhẹ thiên tai và ổn định đời sống dân cư theo Quyết định số 923/QĐ-TTg ngày 28/6/2017;

- Chương trình khuyến nông quốc gia hỗ trợ cho đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, thành viên HTX và xây dựng các mô hình khuyến nông ứng dụng công nghệ cao trong HTX nông nghiệp: Nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng và Quỹ Hỗ trợ phát triển HTX, Quỹ Hỗ trợ nông dân để các HTX tiếp cận các nguồn hỗ trợ đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh; vốn của doanh nghiệp tham gia liên kết và vốn đối ứng của các HTX đầu tư phát triển sản xuất.

4. Tăng cường công tác phối hợp giữa Sở Nông nghiệp và PTNT với Liên minh HTX tỉnh, Hội Nông dân, các Sở, ban, ngành, đoàn thể liên quan.

5. Tăng cường hướng dẫn, nâng cao chất lượng hoạt động HTX

Hướng dẫn các HTX xây dựng phương án sản xuất kinh doanh có hiệu quả, trong đó đẩy mạnh chuyển đổi phương thức hoạt động từ dịch vụ đầu vào sang sản xuất hàng hóa, đưa giống mới có năng suất, chất lượng tốt vào sản xuất, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để sản xuất theo tiêu chuẩn an toàn và kết nối sản xuất gắn với tiêu thụ ổn định;

Tập trung chỉ đạo công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ quản trị, sản xuất cho cán bộ quản lý HTX và thành viên thông qua đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn, đào tạo nghề; thí điểm đưa cán bộ HTX và thành viên HTX đi làm việc ở nước ngoài;

Kết nối với các doanh nghiệp thực hiện liên kết để đầu tư vào sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

6. Tạo điều kiện thành lập mới các HTX nông nghiệp và hỗ trợ để hoạt động có hiệu quả.

Lựa chọn các ngành hàng chủ lực của địa phương để thúc đẩy việc thành lập HTX:

- Lựa chọn các sản phẩm có thế mạnh của địa phương, vận động thành lập các HTX để phối hợp cùng các doanh nghiệp xây dựng vùng nguyên liệu, liên kết tiêu thụ sản phẩm;

- Các HTX mới thành lập cần xây dựng phương án sản xuất kinh doanh hiệu quả; có quy mô phù hợp với từng loại sản phẩm; huy động nguồn lực hợp tác xã, nguồn hỗ trợ của Nhà nước theo chính sách, nguồn tín dụng, vốn doanh nghiệp và các nguồn vốn hợp pháp khác để phát triển hạ tầng cơ sở cho sản xuất và chế biến; tổ chức liên kết với doanh nghiệp thông qua hợp đồng tiêu thụ sản phẩm.

- Lựa chọn các tổ hợp tác đang hoạt động có hiệu quả để vận động nâng lên HTX hoạt động hiệu quả có sự hỗ trợ, định hướng của Nhà nước.

- Vận động những chủ trang trại có quy mô sản xuất tương đối lớn để truyền truyền, vận động cùng nhau thành lập HTX.

- Đối với các sản phẩm sản xuất ở nhiều nông hộ cần tập trung vận động những người nông dân và người lao động sản xuất giỏi có kinh nghiệm, uy tín đối với cộng đồng để đứng ra làm sáng lập viên thành lập HTX.

Đến nay tỉnh Tây Ninh có 89 tổ hợp tác hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp; đa số duy trì tốt hoạt động phục vụ cho tổ viên, đây là lực lượng quan trọng để phát triển thành lập HTX. Các địa phương lựa chọn các tổ hợp tác hoạt động có hiệu quả để tuyên truyền, vận động nâng cấp thành lập HTX.

IV. DỰ KIẾN NHU CẦU VỐN VÀ NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

1. Ước kinh phí thực hiện: **26.093 triệu đồng**, trong đó: Ngân sách Trung ương: 22.843 triệu đồng (vốn đầu tư 4.800 triệu đồng; vốn sự nghiệp 20.093 triệu

đồng); ngân sách địa phương: 1.850 triệu đồng (vốn sự nghiệp 1.850 triệu đồng); nguồn vốn HTX: 1.200 triệu đồng; xã hội hoá: 200 triệu đồng, cụ thể:

- Hỗ trợ thành lập mới: 750 triệu đồng (vốn địa phương);
- Hỗ trợ đầu tư phát triển: 6.000 triệu đồng (vốn Trung ương 4.800 triệu đồng; vốn HTX 1.200 triệu đồng);
- Hỗ trợ vốn, giống khi gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh: 2.000 triệu đồng (vốn Trung ương 1.400 triệu đồng; vốn địa phương 600 triệu đồng);
- Hỗ trợ chế biến sản phẩm: 10.000 triệu đồng (vốn Trung ương);
- Hỗ trợ xây dựng mô hình HTX: 4.800 triệu đồng (vốn Trung ương);
- Hỗ trợ bồi dưỡng, tập huấn: 200 triệu đồng (vốn địa phương);
- Hỗ trợ ứng dụng khoa học, kỹ thuật: 1.000 triệu đồng (vốn Trung ương 700 triệu đồng; vốn địa phương 300 triệu đồng);
- Xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường: 440 triệu đồng (ngân sách 200 triệu đồng, Trung ương và địa phương khác 20 triệu đồng, xã hội hoá 200 triệu đồng);
- Hỗ trợ đưa cán bộ về làm việc ở HTX: 903,69 triệu đồng (vốn Trung ương, địa phương).

2. Nguồn vốn thực hiện: Chủ yếu từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và lồng ghép từ các Chương trình, Dự án khác.

(Chi tiết cụ thể xem phụ lục 02)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KI CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Chiến

Phụ lục 01

SỐ LƯỢNG HTX THÀNH LẬP MỚI VÀ HOẠT ĐỘNG CÓ HIỆU QUẢ ĐẾN 2020

(Kèm theo Quyết định số 1033/QĐ-UBND ngày 05/5/2019 của UBND tỉnh)

Số TT	Huyện/TP	Số lượng HTX năm 2018	Số lượng HTX thành lập mới 2019-2020			Số lượng HTX hoạt động hiệu quả đến năm 2020	Ghi chú
			Năm 2019	Năm 2020	Giai đoạn 2019-2020		
I	2	3	4	5	6=(4+5)	7=(3+4+5)	
	Tổng cộng	71	37	38	75	146	
	TP Tây Ninh (3 xã)	3	4	2	6	9	
1	P. Ninh Sơn	0	1		1	1	
2	P. Ninh Thạnh	0	1		1	1	
3	Bình Minh (đạt chuẩn 2014)	1	1	1	2	3	
4	Thanh Tân	1			0	1	
5	Tân Bình	1	1	1	2	3	
	Huyện Tân Biên (9 xã)	9	6	0	6	15	
1	Thanh Bình (đạt chuẩn 2014)	1	1		1	2	
2	Tân Lập (đạt chuẩn 2015)	1	1		1	2	
3	Tân Phong (đạt chuẩn 2016)	1	1		1	2	
4	Mỏ Công	1			0	1	
5	Hòa Hiệp	1	1		1	2	
6	Tân Bình	1			0	1	
7	Trà Vong	1	1		1	2	
8	Thanh Bắc	1			0	1	
9	Thanh Tây	1	1		1	2	
	Huyện Tân Châu (11 xã)	8	5	5	10	18	
1	Thị trấn Tân Châu	1			0	1	
2	Thanh Đông (đạt chuẩn 2015)	2			0	2	
3	Tân Hưng	1			0	1	
4	Tân Hà	1		1	1	2	
5	Suối Ngõ	1			0	1	
6	Tân Đông	0	1		1	1	
7	Tân Phú	0	1	1	2	2	
8	Tân Thành	0	1	1	2	2	
9	Tân Hòa	1			0	1	
10	Suối Dây	0	1	1	2	2	
11	Tân Hiệp	0	1		1	1	
12	Tân Hội	1	0	1	1	2	
	Huyện D.M.Châu (10 xã)	8	5	3	8	16	
1	Bến Củi (đạt chuẩn 2014)	1	1	1	2	3	
2	Chà Là (đạt chuẩn 2015)	1	1	1	2	3	
3	Phước Ninh (đạt chuẩn 2016)	1		1	1	2	
4	Cầu Khởi	2			0	2	
5	Phan	1			0	1	
6	Truong Mít	1			0	1	
7	Suối Đá	0	1		1	1	
8	Lộc Ninh	0	1		1	1	
9	Phước Minh	0	1		1	1	
10	Bàu Năng	1			0	1	
	Huyện C. Thành (14 xã)	15	5	4	9	24	
1	Thị trấn Châu Thành	1			0	1	
2	Thanh Điền (đạt chuẩn 2015)	1		1	1	2	
3	An Bình (đạt chuẩn 2015)	1		1	1	2	
4	Thái Bình	3			0	3	
5	Hòa Hội	1			0	1	
6	Ninh Điền	2			0	2	
7	Phước Vinh	0	1		1	1	
8	Đông Khởi	1		1	1	2	
9	Trí Bình	1	1		1	2	
10	An Cơ	2			0	2	
11	Thánh Long	0	1		1	1	
12	Hòa Thanh	1		1	1	2	
13	Biên Giới	0	1		1	1	

Số TT	Huyện/TP	Số lượng HTX năm 2018	Số lượng HTX thành lập mới 2019-2020			Số lượng HTX hoạt động hiệu quả đến năm 2020	Ghi chú
			Năm 2019	Năm 2020	Giải đoạn 2019-2020		
14	Hảo Đức	1			0	1	
15	Long Vĩnh	0	1		1	1	
	Huyện Hòa Thành (7 xã)	4	3	6	9	13	
1	Long Thành Trung (đạt chuẩn 2014)	0	1	1	2	2	
2	Long Thành Bắc (đạt chuẩn 2015)	1		1	1	2	
3	Long Thành Nam (đạt chuẩn 2016)	0	1	1	2	2	
4	Trường Tây	1		1	1	2	
5	Trường Đông	1		1	1	2	
6	Trường Hòa	1		1	1	2	
7	Hiệp Tân	0	1		1	1	
	Huyện Gò Dầu (8 xã)	8	3	5	8	16	
1	Phước Trạch (đạt chuẩn 2014)	1	1		1	2	
2	Phước Đông (đạt chuẩn 2015)	1	1		1	2	
3	Bầu Đôn (đạt chuẩn 2016)	1		1	1	2	
4	Thanh Phước	1		1	1	2	
5	Phước Thanh	1		1	1	2	
6	Cầm Giang	1		1	1	2	
7	Thanh Đức	1	1		1	2	
8	Hiệp Thanh	1		1	1	2	
	Huyện Bến Cầu (8 xã)	4	4	6	10	14	
1	Long Khánh (đạt chuẩn 2015)	0	1	1	2	2	
2	Long Phước (đạt chuẩn 2015)	1		1	1	2	
3	Long Thuận (đạt chuẩn 2016)	0	1	1	2	2	
4	Long Chữ	1		1	1	2	
5	Tiên Thuận	0	1		1	1	
6	An Thanh	1		1	1	2	
7	Long Giang	0	1		1	1	
8	Lợi Thuận	1		1	1	2	
	Huyện Trảng Bàng (10 xã)	12	2	7	9	21	
1	An Tịnh (đạt chuẩn 2014)	1		1	1	2	
2	An Hòa (đạt chuẩn 2015)	0	1	1	2	2	
3	Lộc Hưng (đạt chuẩn 2016)	3			0	3	
4	Gia Lộc	3			0	3	
5	Bình Thạnh	1		1	1	2	
6	Phước Chí	0	1		1	1	
7	Phước Lưu	1		1	1	2	
8	Gia Bình	1		1	1	2	
9	Hưng Thuận	1		1	1	2	
10	Đôn Thuận	1		1	1	2	

Ghi chú: Phát triển các HTX dựa trên các THT đang hoạt động có hiệu quả trên địa bàn và công tác tuyên truyền vận động thành lập mới HTX của địa phương....

Phụ lục 02

DỰ KIẾN KINH PHÍ THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH

(Kèm theo Quyết định số 1633 /QĐ-UBND ngày 08 / 5 /2019 của UBND tỉnh)

S T T	Chỉ tiêu	ĐVT	KH		Mục tiêu KH 2019-2020
			2019	2020	
1	Hỗ trợ thành lập mới				
	Số HTX được hỗ trợ	HTX	37	38	75
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr. đồng	370	380	750
	Ngân sách Địa phương (vốn sự nghiệp)	Tr. đồng	370	380	750
2	Hỗ trợ đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng				
	Số HTX được hỗ trợ	HTX	10	10	20
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr. đồng	3000	3000	6000
	Ngân sách Trung ương (80%) (vốn đầu tư)	Tr. đồng	2400	2400	4800
	Nguồn vốn của HTX (20%)	Tr. đồng	600	600	1200
	Hỗ trợ vốn, giống khi gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh				
3	Số HTX được hỗ trợ	HTX	10	10	20
	Tổng kinh phí hỗ trợ (vốn sự nghiệp)	Tr. đồng	1000	1000	2000
	Ngân sách Trung ương (70%)	Tr. đồng	700	700	1400
	Ngân sách địa phương (30%)	Tr. đồng	300	300	600
4	Hỗ trợ chế biến sản phẩm				
	Số HTX được hỗ trợ	HTX	25	25	50
	Tổng kinh phí hỗ trợ (vốn sự nghiệp)	Tr. đồng	5000	5000	10000
	Ngân sách Trung ương	Tr. đồng	5000	5000	10000
5	Hỗ trợ xây dựng mô hình HTX				
	Số hợp tác xã được hỗ trợ	HTX	10	10	20
	Tổng kinh phí hỗ trợ (vốn sự nghiệp)	Tr. đồng	2400	2400	4800
	Ngân sách Trung ương	Tr. đồng	2400	2400	4800
6	Hỗ trợ bồi dưỡng, tập huấn nguồn nhân lực				
	Số người được tham gia bồi dưỡng	Người	120	120	240
	Tổng kinh phí địa phương hỗ trợ (vốn sự nghiệp)	Tr. đồng	100	100	200
	Hỗ trợ về ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ mới, công nghệ cao				
7	Số HTX được hỗ trợ	HTX	5	5	10
	Tổng kinh phí hỗ trợ (vốn sự nghiệp)	Tr. đồng	500	500	1000
	Ngân sách Trung ương (70%)	Tr. đồng	350	350	700
	Ngân sách địa phương (30%)	Tr. đồng	150	150	300
8	Xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường				
	Tổng kinh phí hỗ trợ (vốn sự nghiệp)	Tr. đồng	220	220	440
	- Ngân sách	Tr. đồng	100	100	200
	- Trung ương, địa phương khác hỗ trợ	Tr. đồng	20	20	40
	- Xã hội hoá	Tr. đồng	100	100	200
	Hỗ trợ đưa cán bộ trẻ tốt nghiệp đại học, cao đẳng về làm việc có thời hạn ở HTX				
9	Số HTX được hỗ trợ	HTX	8	0	8
	Tổng kinh phí hỗ trợ (vốn sự nghiệp)	Tr. đồng	903	0	903
	Ngân sách Trung ương, địa phương	Tr. đồng	903	0	903
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr. đồng	13493	12600	26093
	Ngân sách Trung ương	Tr. đồng	11873	10970	22843
	Ngân sách địa phương	Tr. đồng	920	930	1850
	Vốn HTX	Tr. đồng	600	600	1200
	Xã hội hoá	Tr. đồng	100	100	200

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Tân Biên, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Tây Ninh và Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện các công việc sau đây:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

- Thông báo cho Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Tây Ninh việc thu hồi 8.753,6 m² đất nêu trên;
- Chỉ đạo Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh thực hiện việc chỉnh lý hồ sơ địa chính.
- Trình UBND tỉnh quyết định cho hiệp Hợp tác xã thương mại Thành phố Hồ Chí Minh (Saigon Co-op) thuê đất theo đúng quy định.

2. UBND huyện Tân Biên có trách nhiệm: Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện và UBND thị trấn Tân Biên chỉnh lý hồ sơ địa chính từng cấp theo đúng quy định.

3. Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Tây Ninh có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị có liên quan cắm mốc và bàn giao khu đất cho Hợp tác xã thương mại Thành phố Hồ Chí Minh (Saigon Co-op) ngoài thực địa.

4. Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh có trách nhiệm đưa Quyết định này trên trang thông tin điện tử của tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Tân Biên, Chủ tịch UBND thị trấn Tân Biên, Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Tây Ninh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (t/h);
- CT, PCT Nguyễn Thanh Ngọc;
- CVP, PCVP Minh Long;
- TTTH (đăng Website);
- Lưu: Văn thư, Phòng KTTC.

12

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Ngọc